TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05-8-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Khmau

Bà Thạch Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm, là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Võ Thị Kim Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Trúc H, sinh ngày 19 tháng 01 năm 1988; Số căn cước công dân: 084188003875, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/06/2022.

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp N, xã M, tỉnh Vĩnh Long) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Tan Ah S, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1958; Số hộ chiếu A57310455, Malaysia cấp ngày 17/11/2022

Địa chỉ: No 6 J U P B P R P Malaysia (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Lê Thị Trúc H trình bày*: Năm 2010, qua tìm hiểu chị và anh Tan Ah S có đăng ký kết hôn với nhau tại Malaysia, thời gian đầu anh chị sống với nhau hạnh phúc. Sau đó chị H về Việt Nam sinh sống còn

anh Tan Ah S sống ở Malaysia, do khoảng cách về địa lý, bất đồng về ngôn ngữ và quan điểm sống nên giữa chị H và anh Tan Ah S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nhận thấy cuộc sống chung không thể hòa hợp, anh chị không còn tình cảm để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Tan Ah S. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Đối với bị đơn anh Tan Ah S đã nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án, thời gian hòa giải và xét xử, nhưng anh Tan Ah S không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Trúc H và cũng không có nộp tài liệu, chứng cứ nào khác cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Trúc H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Tan Ah S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị Lê Thị Trúc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ; Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Trúc H được ly hôn với anh Tan Ah S. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lê Thị Trúc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tan Ah S; đây là quan hệ tranh chấp "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đang định cư tại Malaysia nên căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Lê Thị Trúc H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Tan Ah S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Trúc H và anh Tan Ah S tự nguyện tiến tới hôn

nhân và có đăng ký kết hôn tại Malaysia vào ngày 08/6/2010 và được ghi chú vào sổ đăng ký kết hôn tại Việt Nam (BL 06), nên hôn nhân giữa chị H và anh Tan Ah S là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nguyên nhân ly hôn, theo chị H khai cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về ngôn ngữ, thường xuyên cải vã. Xét thấy, mục đích hôn nhân là vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng cuộc hôn nhân giữa chị H, anh Tan Ah S không đạt được mục đích đó. Hiện nay hai người ở hai nước khác nhau, không liên lạc trao đổi nên việc hàn gắn tình cảm gia đình là không thể thực hiện được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnhcho chị Lê Thị Trúc H và anh Tan Ah S ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định ở phần trên, nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Do đó, buộc chị Lê Thị Trúc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Trúc H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Trúc H được ly hôn với anh Tan Ah S.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không

xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Trúc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004514 ngày 02/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long), chị H đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Thị Kim Châu